

Số/No: 173/2020/SSD-SHBVN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH
Số: 410521
Ngày: 24/09/20
Chuyển: NHK
Lưu hồ sơ số

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 9 năm 2020
Ho Chi Minh City, day 22 month 9 year 2020

PHỤ LỤC SỐ 07
APPENDIX 07

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5%
TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**
**REPORT ON CHANGES IN OWNERSHIP OF MAJOR SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING
5% OR MORE OF CLOSED FUND CERTIFICATES**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
- To:
- The State Securities Commission
 - The Ho Chi Minh Stock Exchange
 - Vietnam Bank for Industry and Trade Securities Joint Stock Company

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/ *Information on individual/institutional investor*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư / *Name of individual/organization investor*: **YURIE VIETNAM SECURITIES INVESTMENT TRUST (STOCK)**
- Quốc tịch/ *Nationality*: **Hàn Quốc**
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp / *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ) / *Related person (currently holding the same types of shares/fund certificates)*:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan / *Full name of related individual/organization*:



YURIE VIETNAM ACCUMULATED TARGET RETURN FUND

YURIE VIETNAM SMART ACCUMULATED TARGET RETURN FUND

YURIE VIETNAM PUBLIC OFFERED SECURITIES MASTER INVESTMENT TRUST (BALANCED BOND)

- Quốc tịch/*Nationality*: **Hàn Quốc**

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp / *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. (in case of organization), date of issue, place of issue.*

STT/ No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Name of related foreign investor	MSGD của nhà đầu tư/ Investor's trading code	Ngày cấp	Nơi cấp
1	YURIE VIETNAM ACCUMULATED TARGET RETURN FUND			
2	YURIE VIETNAM SMART ACCUMULATED TARGET RETURN FUND			
3	YURIE VIETNAM PUBLIC OFFERED SECURITIES MASTER INVESTMENT TRUST (BALANCED BOND)			

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/ công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position at the public company/fundmanagement company (if any):*

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/ *Relationship with the individual/institutional investor*: **cùng công ty Quản lý Quỹ YURIE ASSET MANAGEMENT CO., LTD**

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/ *Name & code of share/fund certificate owned*: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam /Vietnam Bank for Industry and Trade Securities Joint Stock Company**

- Mã Chứng khoán sở hữu/ *Securities code*: **CTS**

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/ *Trading account number with shares mentioned in paragraph 3 above*: **Tại công ty chứng khoán/In securities company:**

STT/ No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Name of related foreign investor	Tài khoản giao dịch/Trading account number	Tại/At
1	YURIE VIETNAM SECURITIES INVESTMENT TRUST (STOCK)		

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before the transaction*: **6,461,046 cổ phiếu (6.07%)**
6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi (làm tỷ lệ sở hữu có thay đổi qua ngưỡng một phần trăm (1%)/ *Number of shares / fund certificate purchase/ sell/ give/ donate/donated/inheritance transfer/transferred /swap (to do percentage of ownership has changed over the threshold of one percent (1%):* **đã bán 60,000 cổ phiếu**
7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction*: **6,381,046 cổ phiếu (5.997%)**
8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng mà người có liên quan đang nắm giữ/ *Number, ownwerhsip proportion of shares/ closed fund certificates currently held by the related person*:
9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held by individual/organization investor and related person after the transaction*:
10. Lý do thay đổi sở hữu/ *Reasons for change in ownership*: **Giao dịch**
11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/ *Date of change in ownership*: **18/09/2020**
12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có)/ *Other significant changes (if any)*:

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)
(Signature, full name and seal - in case of organization)*



**Deputy Director
Phó Giám Đốc**

Nguyễn Ngọc Phương Trang

